

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2021/DS-ST

Ngày: 25/11/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Phạm Hương;
2. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Xuân Uyên, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2021/QĐXXST-DS ngày 01/11/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Địa chỉ trụ sở: Tầng 8 tòa nhà V, số 72 đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Phước L, sinh năm: 1984.

Ông L có đơn xin vắng mặt.

*Bị đơn:* ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1986

Địa chỉ nơi cư trú: số 48/61 đường số 10, khu phố 7, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Ngân hàng TMCP X và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

***Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (gọi tắt là Eximbank) là nguyên đơn có ông Phan Phước L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 13/12/2017, ông Nguyễn Quốc T có đề nghị Ngân hàng TMCP X cấp một thẻ tín dụng quốc tế (MasterCard chuẩn) theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế trên, ngày 13/12/2017 Eximbank phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard chuẩn cho ông Nguyễn Quốc T, số thẻ 5483702812931117

Quá trình sử dụng, ông T đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 19/11/2021) với số tiền cụ thể: số tiền sử dụng và rút tiền mặt: 102.827.650 đồng; phí rút tiền mặt: 740.000 đồng; phí tài chính: 83.433.500 đồng; phí thanh toán trễ hạn: 132.399.528 đồng; phí vượt hạn mức: 28.649.316 đồng; phí khác (SMS Alert): 105.600 đồng; phí thường niên: 300.000 đồng. Tổng số tiền nợ: 348.155.594 đồng. Tổng số tiền ông T đã thanh toán: 78.765.336 đồng. Số tiền nợ còn lại: 269.390.258 đồng.

Theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, hàng tháng Eximbank gửi bản diễn giải giao dịch trong tháng cho chủ thẻ, trong đó liệt kê chi tiết các giao dịch phát sinh trong tháng, các khoản phí, số dư nợ và yêu cầu thanh toán đúng số tiền và thời hạn chỉ định.

Eximbank đã thông báo, yêu cầu ông Nguyễn Quốc T thanh toán nợ cho Eximbank, nhưng đến nay ông T vẫn không T toán.

Tại thời điểm khởi kiện ngày 20/03/2020, ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 62.891.405 đồng

Tính đến ngày 19/11/2021, ông Nguyễn Quốc T còn nợ Eximbank với tổng số tiền là 269.390.258 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 13/12/2017 và dư nợ phát sinh từ các giao dịch của thẻ tín dụng số 5483702812931117 do ông Nguyễn Quốc T là chủ thẻ, Eximbank kính đề nghị Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân, TP.HCM thụ lý giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm thanh toán cho Eximbank số tiền 269.390.258 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 29.952.670 đồng.
- Nợ lãi, phí: 239.437.588 đồng (tạm tính đến 19/11/2021)

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 19/11/2021 cho đến khi ông Nguyễn Quốc T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Sau thời gian này, ông Nguyễn Quốc T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu, lãi phát sinh và các chi phí phát sinh liên quan đến Tòa án (nếu có) cho đến khi thanh toán xong dứt điểm nợ vay Ngân hàng theo thời gian thực tế phát sinh.

**Bị đơn ông Nguyễn Quốc Thanh trình bày:** Ngày 13/12/2017, ông có ký hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với Eximbank. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh và ông đã thanh toán cho ngân hàng 78.765.336 đồng. Tính đến ngày 10/8/2020, ông còn nợ ngân hàng cả gốc và lãi là 92.300.634 đồng. Do khó khăn ông xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ông đề nghị ngân hàng xem xét giảm tiền lãi, sau khi được giảm lãi ông sẽ thanh toán mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Vụ án không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt. Riêng bị đơn không có ý kiến nào khác ngoài nội dung tự khai ngày 13/8/2020 và xin được xét xử vắng mặt.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:** Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc Tế giữa Ngân hàng TMCP X(gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Quốc T, bản tổng hợp gốc lãi, phí cho thấy ông T có vay của Ngân hàng tổng cộng số tiền 102.827.650 đồng. Quá trình vay vốn, ông chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 78.765.336 đồng, số tiền gốc còn lại và các khoản lãi và phí phát sinh ông T chưa thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay. Tại thời điểm khởi kiện ngày 20/03/2020, ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 62.891.405 đồng. Tính đến thời điểm ngày 19/11/2021, ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 269.390.258 đồng.

Do ông T không T toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện buộc ông T phải trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 19/01/2021 tổng cộng là 269.390.258 đồng (trong đó, nợ gốc: 29.952.670 đồng; Nợ lãi, phí: 239.437.588 đồng) và tiền lãi, phí kể từ ngày 19/11/2021 cho đến khi ông Nguyễn Quốc T thanh toán xong nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định trong hợp đồng là có cơ sở chấp nhận. Từ phân tích trên, căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP X(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Quốc T là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại số nơi cư trú: số 48/61 đường số 10, khu phố 7, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Ông Phan Phước Lộc (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và bị đơn ông Nguyễn Quốc T cùng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T phải trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 19/01/2021 tổng cộng là 269.390.258đ (hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi tám đồng) (trong đó, nợ gốc: 29.952.670 đồng; Nợ lãi, phí: 239.437.588 đồng) và tiền lãi, phí kể từ ngày 20/11/2021 cho đến khi ông Nguyễn Quốc T thanh toán xong nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định trong hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Ngày 13/12/2017, ông Nguyễn Quốc T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng các sản phẩm thẻ quốc tế – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) và được ngân hàng chấp nhận. Việc ký kết này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan, hai bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế trên, ngày 13/12/2017 Eximbank phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard chuẩn cho ông Nguyễn Quốc T, số thẻ 5483702812931117

Quá trình sử dụng, ông T đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 19/11/2021) với số tiền cụ thể: số tiền sử dụng và rút tiền mặt: 102.827.650đ (một trăm lẻ hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng); phí rút tiền mặt: 740.000đ (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng); phí tài chính: 83.433.500đ (tám mươi ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng); phí thanh toán trễ hạn: 132.399.528đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tám đồng); phí vượt hạn mức: 28.649.316đ (hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng); phí khác (SMS Alert): 105.600đ (một trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng); phí thường niên: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền nợ: 348.155.594đ (ba trăm bốn mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng). Tổng số tiền ông T đã thanh toán: 78.765.336đ (bảy

mười tám triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Số tiền nợ còn lại: 269.390.258đ (hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi tám đồng). Căn cứ vào Hợp đồng và bản thỏa thuận sử dụng các sản phẩm thẻ quốc tế thì hàng tháng ông T bắt buộc phải thanh toán cho ngân hàng tổng dư nợ thẻ phát sinh trong tháng (bao gồm giá trị giao dịch tháng, phí tài chính (lãi vay), phí phát sinh, các khoản phải trả khác liên quan đến việc sử dụng thẻ với thứ tự thanh toán là: các khoản phí, lãi; giao dịch rút tiền mặt; thanh toán hàng hóa dịch vụ. Do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định, dư nợ của ông T đã phát sinh các khoản phí tài chính (lãi vay), phí trễ hạn thanh toán hàng tháng, phí vượt hạn mức, phí thường niên và phí phát hành thẻ. Theo bản chiết tính do ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 19/11/2021, ông T còn nợ ngân hàng số nợ dư nợ là 269.390.258 đồng (trong đó, nợ gốc: 29.952.670 đồng; Nợ lãi, phí: 239.437.588 đồng). Nay ngân hàng yêu cầu ông T phải có trách nhiệm thanh toán khoản 269.390.258đ (hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi tám đồng) là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và cũng phù hợp với Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán từ năm 2018 đến nay nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, ông T có trách nhiệm tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 20/11/2021 theo thỏa thuận đã ký kết với ngân hàng.

[5] Đối với ý kiến của ông T xin ngân hàng xem xét giảm tiền lãi và xin trả góp số tiền gốc mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Việc hai bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, ông T đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 19/11/2021) với số tiền cụ thể: số tiền sử dụng và rút tiền mặt: 102.827.650đ (một trăm lẻ hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng) nên phát sinh khoản tiền lãi và phí theo thỏa thuận. Khoản vay của ông T đã chuyển quá hạn từ năm 2018 nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì mức lãi suất cho vay được quy định như sau: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này”*; *“Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;*

*b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi*

*chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;*

*c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”.*

Do đó, nay ông T xin giảm lãi và xin trả góp nhưng không được sự đồng ý của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP X không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Quốc T phải nộp án phí tính trên số tiền 269.390.258đ (hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi tám đồng) phải trả cho ngân hàng, án phí được tính là: 13.469.512đ (mười ba triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Nguyễn Quốc T.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 19/11/2021 gồm nợ gốc: 29.952.670đ (hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); Nợ lãi, phí: 239.437.588đ (hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), tổng cộng là: 269.390.258đ (hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín

mười nghìn hai trăm năm mươi tám đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đồng thời, ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 20/11/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ (theo thỏa thuận đã ký kết với ngân hàng trong giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng các sản phẩm thẻ quốc tế).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí là 1.572.285đ (một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai số 0065261 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Quốc T phải nộp 13.469.512đ (mười ba triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Linh**